

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index chuyển vùng giao dịch xuống quanh ngưỡng 1,240 trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,240.41, giảm hơn 9 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 15/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bán lẻ, Dịch vụ tài chính, Hóa chất,... dẫn đầu đà giảm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Đà hồi phục của VN-Index đã chứng lại tại ngưỡng kháng cự 1,260. Diễn biến tiếp theo của chỉ số phụ thuộc vào dòng tiền bắt đáy tại 1,240

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 04/12/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-9.42** điểm, đóng cửa tại **1240.41** điểm. HNX-Index **-0.67** điểm, đóng cửa tại **224.62** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+0.69)**, **SAB (+0.39)**, **VTP (+0.28)**, **PLX (+0.09)**, **BMP (+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-1.23)**, **VHM (-0.79)**, **CTG (-0.77)**, **MWG (-0.59)**, **FPT (-0.53)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11,937** tỷ đồng, tăng **4.19%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13,916 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 7.96 điểm. Thị trường có **109** mã tăng, 281 mã tham chiếu, **65** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-652.70** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (-260.17 tỷ)**, **FPT (-134.20 tỷ)**, **VRE (-82.85 tỷ)**, **VNM (-75.17 tỷ)**, **NLG (-46.79 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-27.39** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.22%**. Các mã diễn biến tích cực: **CTR (+5.22%)**, **POW (+2.02%)**, **FPT (+1.97%)**.
- BSC50 **-0.10%**. Các mã diễn biến tích cực: **VTP (+5.65%)**, **HDB (+2.56%)**, **SIP (+1.82%)**.

Hiệu suất các chỉ số (Cập nhật đến ngày 29/11)

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.22%	-0.10%	-0.11%	0.03%
1 tuần	0.52%	1.02%	0.73%	0.74%
1 tháng	3.22%	3.49%	3.07%	3.19%
3 tháng	-4.51%	-4.40%	-3.21%	-2.23%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,240.41	224.62	92.44
% 1D	-0.75%	-0.30%	0.00%
GTGD (tỷ VND)	11,937	865	563
%1D	4.19%	9.93%	0.14%
GDNN (tỷ VND)	-652.70	-27.39	-31.87

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HAH	71.94	MWG	-260.17
MSN	65.99	FPT	-134.20
TCB	43.54	VRE	-82.85
KBC	30.39	VNM	-75.17
VPB	27.11	NLG	-46.79

Thị trường thế giới

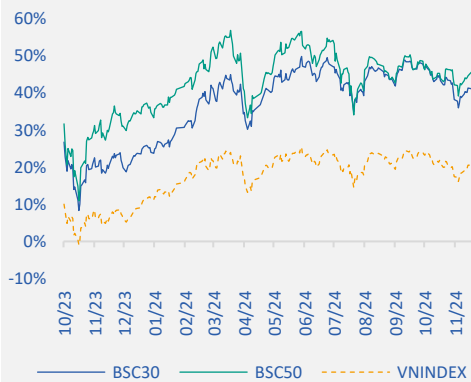
		%D	%W
SPX	6,050	0.04%	1.04%
FTSE100	8,329	-0.36%	0.66%
Eurostoxx	4,906	0.90%	3.47%
Shanghai	3,365	-0.42%	1.66%
Nikkei	39,232	0.06%	2.94%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	73.69	0.01%
Giá vàng	2,667	
Tỷ giá		
USD/VND	25,475	0.01%
EUR/VND	27,406	0.12%
JPY/VND	173	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.9%	0.02%
LS LNH 1M	4.6%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



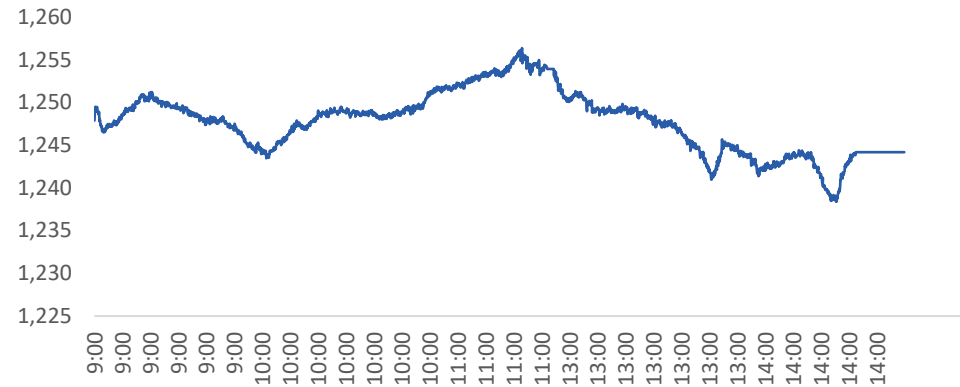
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2501	1310.70	-0.58%	517	74.07%	1/16/2025	43
VN30F2412	1303.00	-0.84%	208,332	-6.80%	12/19/2024	15
VN30F2503	1309.60	-0.68%	57	-70.62%	3/20/2025	106
VN30F2506	1310.10	-0.71%	25	-59.68%	6/19/2025	197

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -11.37 điểm, đóng cửa tại 1297.81 điểm. Biên độ dao động 11.69 điểm. Các cổ phiếu như MWG, FPT, VHM, HPG, TCB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ trong suốt thời gian giao dịch của ngày hôm nay. Thanh khoản thị trường vẫn chưa có sự cải thiện khi vẫn nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2501, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412, VN30F2503,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2403	4/28/2025	145	139,000	-74.43%	13.50	5,800	6.4%	32.56	36.70	143.50	143.50
CFPT2402	7/28/2025	236	58,400	-71.39%	13.50	6,890	1.5%	32.60	41.06	143.50	143.50
CFPT2314	1/9/2025	36	208,700	-51.98%	8.64	6,980	0.4%	15.62	68.91	143.50	143.50
CVHM2402	3/6/2025	92	6,400	-76.78%	4.15	1,290	0.0%	9.00	9.31	40.10	40.10
CMBB2402	5/21/2025	168	139,200	-77.11%	2.35	1,590	-0.6%	11.01	5.46	23.85	23.85
CACB2404	7/28/2025	236	263,100	-75.97%	2.50	880	-1.1%	5.66	6.02	25.05	25.05
CHPG2402	5/21/2025	168	172,400	-76.37%	2.82	1,280	-1.5%	8.78	6.31	26.70	26.70
CHPG2406	10/28/2025	328	22,700	-72.43%	2.80	1,140	-2.6%	6.00	7.36	26.70	26.70
CVNM2401	5/21/2025	168	220,300	-77.33%	6.38	1,030	-2.8%	7.37	14.35	63.30	63.30
CVIB2406	7/28/2025	236	207,100	-76.34%	1.90	640	-3.0%	4.25	4.46	18.85	18.85
CMBB2315	1/9/2025	36	75,500	-71.61%	1.96	1,230	-3.1%	5.60	6.77	23.85	23.85
CHPG2407	4/28/2025	145	255,500	-76.78%	2.60	900	-3.2%	6.04	6.20	26.70	26.70
CVIB2405	4/28/2025	145	44,300	-77.51%	1.80	1,220	-4.7%	8.54	4.24	18.85	18.85
CHPG2408	7/28/2025	236	308,800	-74.76%	2.70	1,010	-4.7%	6.02	6.74	26.70	26.70
CVIC2405	7/28/2025	236	60,100	-77.35%	4.30	1,190	-4.8%	8.96	9.06	40.00	40.00
CMSN2404	7/28/2025	236	48,000	-76.89%	7.90	2,190	-5.2%	16.11	16.66	72.10	72.10
CSTB2402	5/21/2025	168	629,100	-75.09%	3.00	1,690	-5.6%	9.82	8.07	32.40	32.40
CVRE2406	7/28/2025	236	362,900	-77.23%	1.90	510	-8.9%	3.86	3.94	17.30	17.30
CMWG2406	7/28/2025	236	81,700	-76.94%	6.60	1,700	-10.5%	12.92	13.40	58.10	58.10
CMWG2314	1/9/2025	36	1,855,700	-77.29%	5.16	810	-12.9%	5.34	13.20	58.10	58.10

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 04/12/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CFPT2403 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 6.42%. CMWG2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.97%.
- CFPT2314, CFPT2402, CMBB2315, CHPG2406, và CFPT2403 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CMSN2404, CMSN2405, và CFPT2314 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VCB	93.50	0.54%	0.31
ACB	25.05	0.20%	0.20
SAB	57.40	2.14%	0.17
VIB	18.85	0.27%	0.08
PLX	40.30	0.75%	0.04

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MWG	58.10	-2.84%	-1.92
FPT	143.50	-1.03%	-1.48
VHM	40.10	-1.96%	-1.19
HPG	26.70	-1.11%	-1.04
TCB	23.45	-0.85%	-0.91

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	93.50	0.54%	0.69	5.59
SAB	57.40	2.14%	0.39	1.28
VTP	150.90	6.27%	0.28	0.12
PLX	40.30	0.75%	0.09	1.27
BMP	127.20	3.08%	0.08	0.08

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	51.20	9.87%	0.70	0.20
NTP	62.90	2.11%	0.12	0.13
HGM	178.00	7.23%	0.11	0.01
VIF	17.20	2.38%	0.10	0.35
DNP	20.50	4.59%	0.09	0.14

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Gia	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	45.15	-1.95%	-1.23	5.70
VHM	40.10	-1.96%	-0.79	4.11
CTG	35.30	-1.67%	-0.77	5.37
MWG	58.10	-2.84%	-0.59	1.46
FPT	143.50	-1.03%	-0.53	1.47

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	53.80	-1.82%	-0.22	0.33
DHT	104.80	-3.23%	-0.19	0.08
MBS	27.40	-1.79%	-0.19	0.55
SHS	12.90	-1.53%	-0.11	0.81
NVB	8.70	-1.14%	-0.08	1.17

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

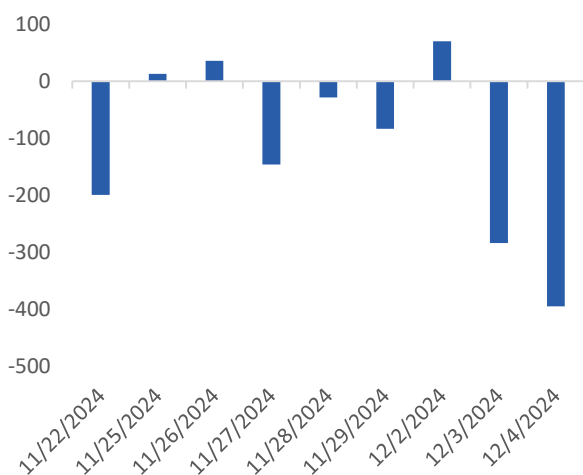
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 1

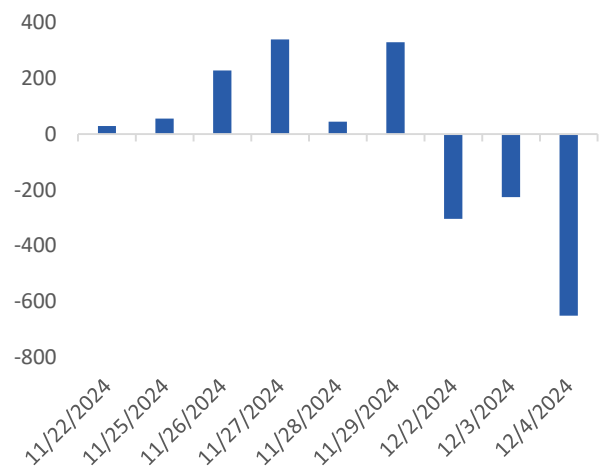
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 2

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	93.5	0.50%	0.7	20,595	4.4	6,194	15.1	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	45.2	-2.00%	1.4	10,143	4.3	4,106	11.0	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	19.0	-1.00%	1.0	5,941	6.3	1,663	11.4	-	25.2%	Link
TCB	Ngân hàng	23.4	-0.80%	1.3	6,511	7.6	3,207	7.3	-	22.3%	Link
MBB	Ngân hàng	23.8	-0.40%	1.1	4,988	5.8	4,021	5.9	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	32.4	-0.60%	1.4	2,407	7.4	4,640	7.0	-	23.4%	Link
CTG	Ngân hàng	35.3	-1.70%	1.6	7,471	5.8	4,035	8.7	-	26.3%	Link
ACB	Ngân hàng	25.0	0.20%	0.8	4,410	4.6	3,638	6.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	24.0	-1.00%	1.5	1,860	8.7	1,490	16.1		36.2%	Link
IDC	Xây dựng	53.8	-1.80%	1.0	700	3.5	6,634	8.1	65,700	24.5%	Link
HPG	Xây dựng	26.7	-1.10%	1.0	6,730	13.2	1,905	14.0	41,500	23.7%	Link
HSG	VLXD	18.2	-2.10%	1.6	447	5.5	828	22.0	25,300	17.3%	Link
VHM	BĐS	40.1	-2.00%	0.7	6,491	8.2	4,700	8.5	108,300	11.7%	Link
KDH	BĐS	32.8	-0.20%	1.2	1,309	1.9	522	63.0	44,500	38.1%	Link
NLG	BĐS	36.9	-2.00%	1.2	560	3.1	793	46.5	-	48.8%	Link
DGC	Hóa chất	107.9	-1.80%	1.4	1,615	5.7	7,791	13.8	115,000	18.1%	Link
DCM	Phân bón	36.7	-0.80%	0.9	766	3.1	2,917	12.6	38,700	7.4%	Link
GAS	Dầu khí	68.6	-0.10%	0.5	6,334	0.8	4,728	14.5	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	33.6	-0.60%	1.1	633	2.0	1,919	17.5	57,000	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	23.2	-0.40%	1.4	507	2.3	1,211	19.1	38,400	15.6%	Link
POW	Dầu khí	12.3	-2.80%	0.7	1,135	2.8	597	20.6	17,100	4.1%	Link
VHC	Thủy sản	72.9	-1.10%	1.3	645	2.9	3,814	19.1	108,500	28.2%	Link
GMD	Logistics	64.7	1.10%	0.7	1,056	1.6	4,315	15.0	90,400	48.6%	Link
VNM	Bán lẻ	63.3	-0.90%	0.4	5,214	6.8	4,591	13.8	93,100	51.7%	Link
MSN	Bán lẻ	72.1	-0.80%	1.0	4,299	11.7	898	80.3	110,000	28.6%	Link
MWG	Bán lẻ	58.1	-2.80%	1.2	3,347	20.3	2,028	28.6	-	46.9%	Link
PNJ	Bán lẻ	94.2	0.60%	1.0	1,254	2.4	5,960	15.8	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	42.8	0.90%	1.8	366	2.6	1,809	23.6	66,600	25.1%	Link
FPT	Bán lẻ	143.5	-1.00%	1.1	8,320	31.7	5,129	28.0	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	126.2	1.00%	1.5	569	8.9	4,640	27.2	-	9.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	25.9	-0.60%	1.1	2,973	6.8	4,461	5.8	1.5	19.5%	27.8%
VIB	Ngân hàng	18.8	0.30%	1.2	2,213	5.3	2,412	7.8	1.4	4.2%	21.4%
TPB	Ngân hàng	15.8	-1.20%	1.4	1,645	5.0	1,840	8.6	1.1	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.2	-1.30%	1.1	1,153	2.6	1,687	6.7	0.8	29.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	18.4	-0.50%	0.8	1,351	1.6	1,447	12.7	1.4	2.8%	9.9%
HCM	Chứng khoán	27.1	-1.60%	1.8	769	8.5	1,409	19.2	1.9	45.3%	10.6%
VCI	Chứng khoán	32.5	-1.50%	1.5	920	6.5	1,419	22.9	2.2	14.4%	9.6%
VND	Chứng khoán	13.2	-3.60%	1.5	795	10.7	1,503	8.8	1.0	12.5%	15.0%
BSI	Chứng khoán	43.0	-2.20%	1.9	378	0.7	1,732	24.9	1.9	40.0%	9.3%
SHS	Chứng khoán	12.9	-1.50%	1.6	413	3.2	1,178	11.0	1.0	3.6%	10.5%
CTD	Xây dựng	66.5	-0.60%	1.4	262	1.7	3,361	19.8	0.8	47.1%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.1	-2.20%	1.5	189	1.1	835	13.3	0.6	7.7%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.0	-1.00%	1.5	76	0.5	825	12.2	0.8	2.1%	5.7%
SZC	Xây dựng	41.2	-0.10%	1.0	292	3.2	1,572	26.2	2.4	2.3%	12.1%
SIP	Xây dựng	84.0	0.40%	1.3	697	4.0	5,635	14.9	4.2	3.1%	29.0%
PHR	BĐS KCN	57.0	-1.20%	0.9	304	0.4	2,858	19.9	2.0	18.5%	12.1%
DIG	BĐS	20.2	-0.50%	1.6	486	6.5	135	150.0	1.6	4.7%	1.1%
CEO	BĐS	14.1	0.70%	1.8	300	2.5	316	44.6	1.3	4.8%	2.1%
KBC	BĐS KCN	28.0	0.00%	1.4	847	4.5	549	51.0	1.2	20.5%	1.7%
VGC	BĐS KCN	42.6	-0.50%	1.2	753	1.7	1,312	32.5	2.3	3.7%	8.2%
GVR	BĐS KCN	30.4	-1.80%	1.6	4,784	3.5	851	35.7	2.3	0.5%	6.5%
NKG	BĐS KCN	18.7	-2.60%	1.6	194	3.7	1,736	10.8	0.8	13.1%	7.4%
BMP	Vật liệu	127.2	3.10%	1.1	410	1.7	12,420	10.2	3.5	82.6%	34.6%
IJC	Hạ tầng	13.4	-0.40%	1.3	200	1.0	729	18.4	1.0	4.6%	6.0%
DXG	BĐS	16.8	-2.60%	1.4	477	12.7	197	85.2	1.1	15.4%	1.9%
VRE	Bất động sản	17.3	-2.30%	1.2	1,549	7.3	1,795	9.6	1.0	20.8%	11.9%
PDR	Bất động sản	20.4	-1.40%	1.7	702	5.2	500	40.8	1.6	6.4%	5.0%
DIG	Bất động sản	20.2	-0.50%	1.6	486	6.5	135	150.0	1.6	4.7%	1.1%
HUT	Xây dựng	15.8	0.00%	0.8	556	0.6	75	210.2	1.6	1.5%	1.7%
C4G	Xây dựng	7.9	0.00%	1.0	-	0.1	573	13.8	0.7	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	37.6	-1.80%	1.6	164	2.7	2,122	17.7	2.8	3.8%	15.2%
DHC	Hóa chất	35.8	-0.60%	1.0	114	0.2	3,330	10.8	1.5	39.2%	13.3%
DRC	Cao su	28.0	-1.20%	0.8	131	0.4	2,259	12.4	1.7	11.7%	16.5%
PC1	Điện	22.8	-1.10%	1.0	322	0.7	1,511	15.1	1.3	13.8%	6.1%
HDG	BĐS	28.8	0.70%	1.3	382	4.2	2,116	13.6	1.6	15.7%	11.8%
GEX	Điện	18.6	-0.30%	1.5	632	3.0	1,207	15.5	1.2	8.3%	7.0%
QTP	Điện	14.0	-0.70%	0.6	-	0.1	1,500	9.3	1.2	0.9%	11.2%
PLX	O&G	40.3	0.80%	0.7	2,018	1.0	2,350	17.2	2.0	18.2%	13.8%
BSR	O&G	19.5	0.50%	1.1	-	2.1	966	20.2	1.1	0.7%	13.4%
PLC	O&G	21.3	-0.90%	1.3	68	0.1	611	34.9	1.4	0.5%	4.7%
ANV	Thủy sản	18.2	-0.80%	1.2	190	1.1	315	57.6	0.8	1.0%	1.2%
PTB	Gỗ	63.3	-1.60%	1.1	167	0.3	4,944	12.8	1.5	24.9%	11.9%
VSC	Logistics	16.0	-0.90%	1.1	180	1.8	737	21.6	1.1	2.4%	7.3%
HAH	Logistics	50.0	4.50%	0.9	239	9.6	3,571	14.0	2.0	7.7%	10.6%
DBC	Logistics	26.2	-1.90%	1.6	346	3.4	1,604	16.3	1.3	12.1%	5.0%
FRT	Bán lẻ	179.0	-0.30%	0.8	961	3.0	775	231.1	13.5	36.1%	11.8%
QNS	Bán lẻ	50.8	0.40%	0.5	-	0.8	6,553	7.8	2.0	12.0%	28.7%
TNG	Dệt may	24.6	-1.60%	1.1	119	1.8	2,427	10.1	1.6	17.2%	14.7%
PVT	O&G	27.0	-0.60%	1.0	378	1.1	3,130	8.6	1.3	12.6%	14.2%
DPM	Phân bón	35.8	-0.10%	1.0	552	11.3	1,700	21.1	1.3	8.8%	5.5%
REE	Tiện ích	67.2	-0.90%	1.0	1,247	1.3	3,860	17.4	1.7	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
13	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
14	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
15	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
16	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
18	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660